

con chung, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung bà Th không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của ông Nguyễn Trung H: Ông H không đồng ý ly hôn vì không có mâu thuẫn gì lớn và vì còn yêu thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H đồng ý bà Th nuôi con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/một con chung, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do Bà Lê Thị Th cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai.

Chứng cứ do ông Nguyễn Trung H cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Th và ông H trình bày thống nhất: Bà Th và ông Nguyễn Trung H có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BPT vào năm 2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Lê Quỳnh G, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Lê Kiều D, sinh ngày 30/10/2015. Sau khi kết hôn, bà Th về làm dâu bên nhà chồng. Từ khi có con, ông H không chung thủy, ngoại tình với cô gái khác dẫn đến có thai. Bà Th và gia đình đã nhiều lần họp và khuyên ngăn. Ông H cũng hứa hẹn sẽ từ bỏ nhưng vẫn lén lút tiếp tục. Nhiều lần ông H đánh đập, chửi mắng, xúc phạm bà Th. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông H đồng ý bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/một con chung, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cả hai đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Bà Th và ông H trình bày không thống nhất:

Bà Th trình bày: Tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th và ông H không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện nay, bà Th không còn tình cảm với ông H.

Ông H trình bày: Ông H cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn nên không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BPT, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th đối với ông Nguyễn Trung H:

[2.1]. Bà Th trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông H không đồng ý với lời trình bày của bà Th nhưng ông H thừa nhận trong quá trình chung sống không chung thủy, ngoại tình với cô gái khác dẫn đến có thai. Ông H cũng hứa hẹn sẽ từ bỏ nhưng vẫn lén lút tiếp tục. Nhiều lần ông H đánh đập, chửi mắng, xúc phạm bà Th. Điều này thể hiện hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

[2.2]. Bà Th xác định không còn tình cảm với ông H, điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông H không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Th và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông H.

[3]. Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Lê Quỳnh G, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Lê Kiều D, sinh ngày 30/10/2015; ông H đồng ý đề nghị của bà Th. Xét con chung là con gái nên để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Th, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000

đồng/một con chung, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông H thống nhất không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước; ông Nguyễn Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th đối với ông Nguyễn Trung H, cho bà Th được ly hôn ông H.

2. Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của Bà Lê Thị Th, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Nguyễn Lê Quỳnh G, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Lê Kiều D, sinh ngày 30/10/2015, con chung hiện đang sống với ông H bà Th.

2.2. Ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/một con chung, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

4.1. Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai số 0000085 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Th đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Nguyễn Trung H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Trung H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND thị trấn BPT, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1